

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2017**

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	04
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	14
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	24
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC	34
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	46
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	48
QUẢN TRỊ CÔNG TY	52
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	61





PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

TÊN CÔNG TY	Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang
MÃ CHỨNG KHOÁN	KTC
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ	1700523208, đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010 tại Sở Kế Hoạch & Đầu Tư tỉnh Kiên Giang, được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang sang Công ty cổ phần kể từ ngày 01/08/2017, GCNĐKDN thay đổi lần 5 ngày 03/08/2017.
VỐN ĐIỀU LỆ	364.738.330.000 đồng
VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU	364.738.330.000 đồng
TRỤ SỞ CHÍNH	190 Trần Phú, P. Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
SỐ ĐIỆN THOẠI	(0297) 3 862113
SỐ FAX	(0297) 3 866080
Email	ktc@ktcvn.com.vn
WEBSITE	www.ktcvn.com.vn

LOGO Công ty



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang, tên giao dịch tiếng Anh: Kien Giang Trading Joint Stock Company (KTC), tiền thân là công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang thành lập năm 1996 do hợp nhất Công ty Vật tư Tổng hợp Kiên Giang với Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Kiên Giang. Được chuyển đổi theo quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh Kiên Giang, có tổng số vốn điều lệ là 364.738.330.000 VNĐ với 5 phòng chuyên môn, 5 đơn vị trực thuộc và 7 công ty thành viên..

28/06/2006

Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 1033/QĐ-UBND về việc thành lập Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trên cơ sở hợp nhất Công ty Thương mại Kiên Giang (Kigitraco) và Công ty Du lịch Kiên Giang (Kien Giang Tourist). Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700523208 Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang cấp ngày 25/10/2006.

30/06/2010

Công ty chuyển đổi loại hình hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu và được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700523208 ngày 30/06/2010.

22/02/2017

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định số 372/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Du lịch – Thương mại Kiên Giang.

29/03/2017

Công ty thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

22/07/2017

Công ty tổ chức đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang tại Số 62-64-66, Đường Cô Bắc, KP1, Phường Vĩnh Bảo, Tp. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

01/08/2017

Công ty chuyển đổi loại hình hoạt động từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần lấy tên gọi là Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang và thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 4 vào ngày 01/08/2017 với Vốn điều lệ là 364.738.330.000 đồng.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trên cơ sở ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang hiện đang cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu sau:



Đặc biệt năm 2009, công ty vinh dự được Bộ Công Thương xét tặng danh hiệu : Top 10 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về doanh thu . Ngoài ra công ty còn đạt được nhiều danh hiệu khác như : Cúp vàng thương hiệu - Nhãn hiệu 2008-2010, Doanh nghiệp có dịch vụ thương mại tốt nhất. Hiện nay, Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang là 1 trong 22 doanh nghiệp Việt Nam được phép xuất khẩu chính ngạch mặt hàng gạo sang Trung Quốc.



Thực phẩm đóng hộp

Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC (KTCFOOD) là một trong những Nhà máy lớn của khu vực đồng bằng sông Cửu Long với dây chuyền sản xuất hiện đại và tự động của Tây Ban Nha và Thái Lan, chuyên kinh doanh chế biến xuất nhập khẩu cá Ngừ ngâm dầu và cá Sardines, cá Mackerel sốt cà và nhiều loại sản phẩm thủy sản khác theo yêu cầu của khách hàng với công suất trung bình của Nhà máy từ 80.000 đến 100.000 lon mỗi ngày. Thị trường xuất khẩu chủ yếu ở các nước châu Âu, châu Phi, Nam Mỹ, Trung đông...

Kinh doanh xăng dầu

Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang là đối tác thương mại lớn, truyền thống và Tổng đại lý độc quyền của Petrolimex VN trong nhiều năm qua . Chiếm lĩnh hơn 40% thị phần trên toàn tỉnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bình ổn thị trường xăng dầu trong mọi tình huống, cung ứng cho nhu cầu xã hội hàng trăm ngàn m3 xăng dầu/năm. Góp phần giải quyết việc làm cho trên 300 lao động. Đặc biệt tạo nguồn thu ngân sách cho tỉnh hàng trăm tỷ đồng mỗi năm.

Xuất khẩu gạo

Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang là một trong những đơn vị xuất khẩu gạo xuất sắc của Việt Nam. Từ năm 2004 đến nay , công ty được Bộ Công Thương khen tặng và trao cúp : "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 7 năm liền 2004-2010" Năm 2008 - 2009 , kết quả kinh doanh xuất khẩu gạo của công ty đứng thứ 3 cả nước theo tổng kết của hiệp hội lương thực Việt Nam với số lượng xuất khẩu trực tiếp đạt trên 320.000 tấn.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung phát triển các ngành nghề kinh doanh chính là xuất khẩu lương thực, kinh doanh xăng dầu và thực phẩm đóng hộp đồng thời đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, hướng đến sự phát triển bền vững của Công ty, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với Nhà Nước.
- Chú trọng công tác tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào có tính chất ổn định và đảm bảo yêu cầu về chất lượng. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng nỗ lực trong việc tìm kiếm khách hàng và thị trường mới có nhiều tiềm năng nhằm đa dạng hóa nguồn thu của mình.
- Cơ cấu lại bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất phù hợp với quy mô sản xuất nhằm thích nghi với điều kiện hoạt động của Công ty cổ phần. Huy động mọi nguồn lực tự có, vốn vay ngân hàng, hoặc thông qua hình thức liên doanh, liên kết với các nhà đầu tư trong và ngoài nước nhằm đầu tư, nâng cấp trang thiết bị hiện đại, nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về Công tác quản lý

- Xây dựng và củng cố bộ máy tổ chức; cơ cấu lại nhân sự chủ chốt và người lao động ở các bộ phận để đảm bảo hiệu quả hoạt động theo mô hình mới.
- Xây dựng quy chế phân cấp rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cán bộ công nhân viên, tạo cơ chế thuận lợi và giao quyền cho cán bộ công nhân viên để phát huy khả năng, thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Xây dựng quy chế trả lương phù hợp với công việc và hiệu quả hoàn thành của người lao động.
- Tăng cường các biện pháp kiểm tra nhằm kiểm soát chi phí hoạt động, hướng đến nâng cao hiệu quả kinh doanh.

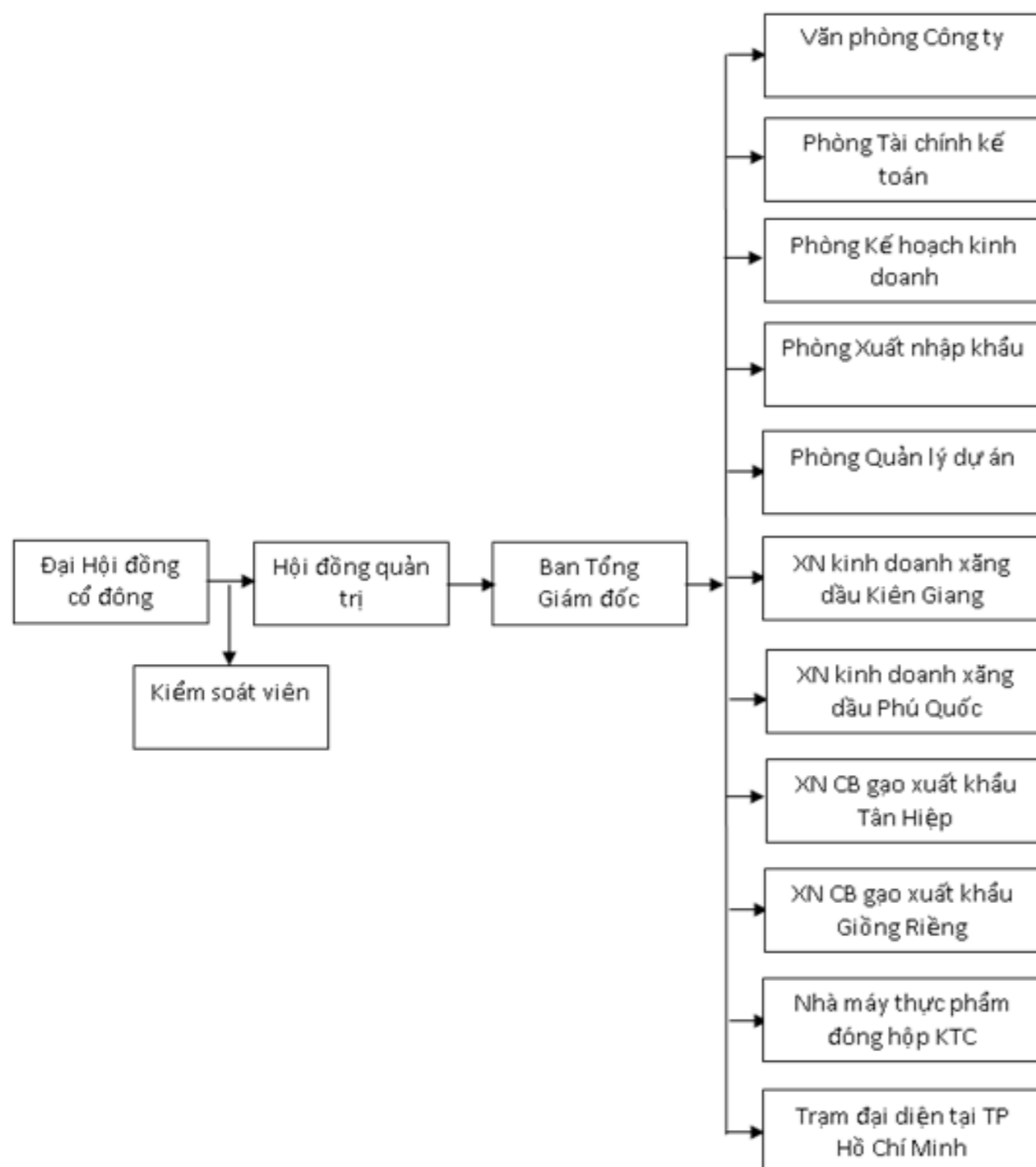


Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Đối với kinh doanh gạo, gạo xuất khẩu và gạo nội địa là ngành kinh doanh chủ lực, duy trì sản lượng bình quân 350.000 tấn/năm làm nền tảng cho sự phát triển. Đồng thời, Công ty phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đóng hộp nhằm tăng cường doanh thu và lợi nhuận. Đối hoạt động sản xuất và xuất khẩu cá hộp, KTC có đội ngũ nhân sự riêng tập trung nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm mới và hiện nay đã được thị trường quốc tế chấp thuận.
- Bên cạnh đó, ngành kinh doanh xăng dầu sẽ hợp tác chiến lược với Petrolimex nhằm chiếm lĩnh thị phần tại địa bàn tỉnh Kiên Giang trong lĩnh vực xăng, dầu. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh công tác mở rộng hệ thống bán lẻ qua các kênh cửa hàng và đại lý trên địa bàn tỉnh Kiên Giang cũng như mở rộng sang các khu vực tiềm năng.
- Đối với hoạt động bất động sản, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khu đô thị mới Bắc Dương Đông do KTC làm chủ đầu tư. Đồng thời tìm kiếm các dự án tiềm năng để đầu tư và tăng cường nguồn thu cho Công ty.



SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC



Công ty con:

01 Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Kiên Giang

Địa chỉ: Lô D số 3-4 đường Lạc Hồng, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn của KTC: 98,03% vốn điều lệ

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Kinh doanh bách hóa tổng hợp các loại

Công ty liên kết:

01 Công ty cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền

Địa chỉ: KCN Cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3874 131

Tỷ lệ cổ phiếu KTC nắm giữ: 35,00% Vốn điều lệ

02 Công ty cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang

Địa chỉ: KCN Cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3616 448

Tỷ lệ cổ phiếu KTC nắm giữ: 38,08% Vốn điều lệ

03 Công ty cổ phần Sách và thiết bị trường học Kiên Giang

Địa chỉ: Lô E6, Số 30-31-32 Đường 3/2, P. Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3862 125

Tỷ lệ cổ phiếu KTC nắm giữ: 20% Vốn điều lệ

04 Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang

Địa chỉ: Số 30 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3777 787

Tỷ lệ cổ phiếu KTC nắm giữ: 49,00% Vốn điều lệ

05 Công ty cổ phần Du lịch Kiên Giang

Địa chỉ: Số 11 Lý Tự Trọng, Phường Vĩnh Thanh Vân, Tp Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3862103

Tỷ lệ cổ phiếu KTC nắm giữ: 14,52% Vốn điều lệ

06 Công ty cổ phần Sài Gòn Phú Quốc

Địa chỉ: Số 62 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Dương Đông, Tp Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3846 999

Tỷ lệ cổ phiếu KTC nắm giữ: 11,62% Vốn điều lệ

CÁC RỦI RO

Hoạt động kinh doanh của KTC chịu ảnh hưởng chủ yếu của nền kinh tế. Do đó, những biến động của nền kinh tế trong nước và Thế giới sẽ gây tác động lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp.

Rủi ro kinh tế

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, năm 2017, nền kinh tế Việt Nam có những bước chuyển mình mạnh mẽ nhưng vẫn còn nhiều áp lực, rủi ro cho nền kinh tế nên các yếu tố bên ngoài và trong nước có thể ảnh hưởng đến sự ổn định kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2017 vượt số kế hoạch đặt ra đầu năm đạt 6,81%. Đó là một nỗ lực rất lớn của chính phủ, sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp, ban ngành, địa phương cùng thực hiện.

Rủi ro lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2017 tăng 2,6% so với tháng 12/2016, nằm trong hạn mức 5% Quốc hội đề ra. Tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 16,96% cho thấy có sự cải thiện tích cực trong thu nhập lãi của các ngân hàng và doanh nghiệp có khả năng hấp thụ vốn tương đối tốt. Nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều biến động trong năm 2017, nhưng nhìn chung có nhiều điểm cải thiện đáng kể: Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, tăng trưởng kinh tế được duy trì,... Đây là những tín hiệu đáng mừng, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ đề ra trong việc quản lý, ổn định và phát triển thị trường.

Rủi ro tỷ giá

Biến động tỷ giá khó lường trong năm 2018 sẽ gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp thương mại nói chung và Công ty cổ phần thương mại Kiên Giang nói riêng. Với một doanh nghiệp xuất khẩu là chủ yếu thì sự ổn định của tỷ giá là một yếu tố tối quan trọng đối với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để khắc phục những biến động về tỷ giá có thể ảnh hưởng không tốt đến doanh thu và lợi nhuận, Công ty đã cẩn thận trong việc sử dụng các phương pháp dự báo tỷ giá, lựa chọn loại ngoại tệ có giá trị tương đối ổn định để giao dịch nhằm giảm thiểu những tổn thất đến mức thấp nhất khi rủi ro xảy ra.

Rủi ro về lãi suất

Nền kinh tế thế giới và trong nước luôn có nhiều biến động. Vì vậy, rủi ro về lãi suất là một vấn đề cần được quan tâm khi KTC sử dụng nguồn vốn vay để phát triển các dự án cũng như chiến lược kinh doanh của mình. Vì thế, vấn đề biến động lãi suất là rủi ro cần được quan tâm sát sao. Cụ thể, trong năm 2017 vừa qua, Ban lãnh đạo công ty ngoài việc tính toán và dự báo thật đầy đủ, chính xác về chi phí lãi vay khi xem xét, đánh giá hiệu quả và quyết định thực hiện đối với các phương án/dự án SXKD, mà còn sử dụng thận trọng và linh hoạt công cụ đòn bẩy tài chính trong hoạt động kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu gia tăng lợi nhuận trong điều kiện lãi suất thấp, đồng thời hạn chế rủi ro thua lỗ khi lãi suất biến động ngoài dự đoán.

Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam là nước xuất khẩu gạo thứ 3 trên thế giới chỉ sau Ấn Độ và Thái Lan. Trong những năm gần đây xuất khẩu gạo của Việt Nam đang bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước như: Ấn Độ, Thái Lan, Campuchia,... do Trung Quốc thay đổi chính sách về nhập khẩu gạo theo con đường chính ngạch, ngoài ra các thị trường truyền thống về nhập khẩu gạo Việt Nam cũng bị giảm sút về nhu cầu như: Philippines, Malaysia và các thị trường khác như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản.

Rủi ro thời tiết

Sản lượng gạo xuất khẩu của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi thiên tai như bão, lốc xoáy, lũ lụt, hạn hán, và sâu bệnh. Điều này tác động trực tiếp đến dòng tiền và lợi nhuận của Công ty. Do đó, công ty luôn có những chiến lược dài hạn trong việc lưu kho và quản lý lượng hàng xuất khẩu của mình một cách hợp lý.

Rủi ro khác

Bên cạnh các vấn đề còn tồn tại của nền kinh tế, các rủi ro đến từ cháy nổ, thiên tai còn gây tác động tiêu cực tới quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nếu không được quan tâm đúng mức.

KTC chủ trương đặt tiêu chuẩn an toàn lao động lên hàng đầu, định kì tổ chức các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ cho công nhân nhằm phòng ngừa và hạn chế thấp nhất những hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản khi có sự cố xảy ra. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản.





PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



“
TÌNH HÌNH HOẠT
ĐỘNG SẢN XUẤT KINH
DOANH”



Kể từ ngày 01/08/2017, Công ty chính thức chuyển từ hình thức Công ty TNHH MTV sang hình thức Công ty cổ phần. Do đó, số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty Cổ phần thương mại Kiên Giang được tính từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017. Trong khi đó, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh kì trước được xác định trong khoảng thời gian từ 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017. Điều này làm cho các chỉ tiêu tài chính dùng để so sánh trở nên ít có ý nghĩa trong giai đoạn này.

Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 5 tháng sau cổ phần hóa đều vượt kế hoạch đề ra, cụ thể doanh thu thuần đạt 2.198 tỷ đồng vượt kế hoạch 36,6%. Lợi nhuận trước thuế 11,733 tỷ bằng 127% kế hoạch.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 05 tháng (từ 01/8 đến 31/12/2017)	Kế hoạch 05 tháng (từ 01/8 đến 31/12/2017)	Mức độ hoàn thành
1	Doanh thu thuần	Tr.đồng	2.198.321	1.609.758	136,6%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11.733	9.167	127%
3	Kim ngạch xuất khẩu	USD	30.496.157	19.500.000	156,4%
4	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	3,2	2,02	158,4%

CƠ CẤU DOANH THU

STT	Khoản mục	Đơn vị tính	Từ ngày 01/01/2017- 31/07/2017		Từ 01/08/2017- 31/12/2017	
			Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng	Tr. Đồng	2.578.363	93,62%	2.197.901	99,98%
2	Doanh thu hàng hóa bất động sản	Tr. Đồng	169.018	6,14%	-	-
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tr. Đồng	6.598	0,24%	420	0,02%
4	Tổng cộng	Tr. Đồng	2.753.980	100%	2.198.321	100%

KẾT QUẢ KINH DOANH TỪNG LĨNH VỰC

LĨNH VỰC KINH DOANH XĂNG DẦU

Với mạng lưới cửa hàng xăng dầu rộng khắp trên địa bàn tỉnh và các vùng phụ cận ổn định nhiều năm qua tiếp tục duy trì hơn 30% thị phần trong tỉnh. Năm tháng cuối năm, sản lượng tiêu thụ xăng dầu đạt 91.125 m³, đạt 120% kế hoạch 5 tháng cuối năm, nâng sản lượng cả năm 2017 tiêu thụ đạt 194.920 m³.

LĨNH VỰC KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT KHẨU GẠO

Thị trường xuất khẩu 5 tháng cuối năm 2017 chuyển biến tích cực nhờ nhu cầu nhập khẩu tăng từ các nước như: Bangladesh, Philippines, Malaysia... đặc biệt là Trung Quốc đã tạo cơ hội mới cho xuất khẩu gạo của tỉnh. Tuy nhiên, với chi phí đầu tư 2 Xí nghiệp chế biến gạo quá lớn, trong khi lượng nguyên liệu thu được trên địa bàn không đủ cho hoạt động chế biến so với công suất thiết kế nên sản xuất kém hiệu quả ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo. Năm tháng cuối năm 2017, sản lượng gạo đạt 63.842 tấn, đạt 106% kế hoạch, kim ngạch xuất khẩu đạt 26.793.624 USD, đạt 173% kế hoạch.



LĨNH VỰC CHẾ BIẾN THỦY SẢN ĐÓNG HỘP XUẤT KHẨU

Năm 2017 các doanh nghiệp xuất khẩu cá ngừ đóng hộp còn gặp khó khăn về nguyên liệu đầu vào do sản lượng đánh bắt sụt giảm đáng kể, nguồn cung không ổn định làm cho giá tăng đột biến. Các thị trường nhập khẩu lớn đều yêu cầu doanh nghiệp xuất khẩu cá ngừ phải chứng minh nguồn gốc xuất xứ. Điều này cũng đặt ra những thách thức không nhỏ cho việc thu mua nguyên liệu đầu vào của Nhà máy Thực phẩm đóng hộp KTC. Cùng với khó khăn về nguyên liệu đầu vào thì tháng 10/2017 ngành thủy sản Việt Nam bị thẻ vàng khi xuất khẩu vào EU, đây là một thách thức lớn đối với ngành khai thác, chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng, ảnh hưởng lớn đến sản lượng xuất khẩu vào EU và các thị trường khác như Mỹ. Mặc dù đối mặt với những rào cản và khó khăn chung của ngành xuất khẩu thủy sản nhưng 5 tháng cuối năm, sản lượng tiêu thụ đạt 66 Cont, đạt 94% kế hoạch, kim ngạch xuất khẩu đạt 3.702.533 USD, đạt 93% kế hoạch.

LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

Trong 7 tháng đầu năm 2017 doanh thu đạt được là 169.018.397.874 đồng tương ứng 33.007 m². Từ ngày 01/8/2017 Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang. Do vậy, việc kinh doanh bất động sản đối với những khu đất còn lại tại Dự án khu đô thị mới 67,5 ha Dương Đông, Phú Quốc, Công ty còn gặp nhiều khó khăn do phải xin ý kiến UBND tỉnh và các Sở ngành về việc xác định giá trị quyền sử dụng đất. Công tác chuyển đổi tên chủ sở hữu trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện công ty đang quản lý sử dụng còn chậm so với yêu cầu do phải trích đo vẽ lại toàn bộ khu đất.



TÌNH HÌNH

TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	01/08/2017	31/12/2017
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.514.377	1.482.800
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.747.741	2.198.321
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	61.384	10.885
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(16.610)	848
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	44.774	11.733
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	29.268	11.733

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	Từ ngày 01/01/2017- 31/07/2017	Từ 01/08/2017- 31/12/2017
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,91	0,85
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,53	0,51
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	73,95	72,89
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	283,86	268,89
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	7,07	5,94
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	1,81	1,47
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,07	0,53
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	7,42	2,95
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	1,93	0,78
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,23	0,50



TÌNH HÌNH

TÀI CHÍNH (TT)



VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Khả năng thanh toán của Công ty có sự sụt giảm nhẹ trong 5 tháng cuối năm 2017 do sự tăng lên đáng kể của nợ ngắn hạn so với kỳ trước. Trong đó, nợ vay ngắn hạn của KTC tăng đến 17,33% đạt 521,708 tỷ đồng. Trong khi tài sản ngắn hạn có sự gia tăng nhẹ đạt 872,889 tỷ đồng.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Hệ số nợ/ tổng tài sản của Công ty đang ở mức khá cao, trong năm tháng 5 cuối năm 2017, hệ số nợ/ tổng tài sản và nợ/ vốn chủ sở hữu đều giảm nhẹ đạt lần lượt 73,95% và 283,86%, nguyên nhân cả nợ phải trả và tổng tài sản đều có sự sụt giảm, trong đó nợ phải trả giảm 3,49% chủ yếu do nợ dài hạn giảm mạnh đến 69,22%.



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG, CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động so với kỳ trước giảm đi, nguyên nhân chủ yếu do sự chênh lệch giữa các kỳ so sánh, với khoản thời gian hoạt động cuối năm chỉ năm tháng nên giá vốn hàng bán được ghi nhận và doanh thu thuần mang lại đã giảm đi đáng kể làm các chỉ số phản ánh năng lực hoạt động đã sụt giảm. Tương tự với tình hình diễn biến của doanh thu, giá vốn thì lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cũng đã giảm đi đáng kể từ đó làm các chỉ số khả năng sinh lời cũng đã có sự sụt giảm.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Vốn điều lệ: 364.738.330.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 36.473.833 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông: 36.473.833 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 36.473.833 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG NĂM 2017

Cơ cấu cổ đông tại ngày 13/10/2017

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	399	36.473.833	100%
	- Cá nhân	393	577.500	1,58%
	- Tổ chức	6	35.896.333	98,42%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-
TỔNG CỘNG		399	36.473.833	100%

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu: Không có

Các giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang	023994513	25/63/15 Đường 6, Kp 6, H. Bình Phước, Q. Thủ Đức	17.886.578	49,04%
Cty Xăng Dầu Khu Vực II - TNHH MTV	0300555450	15 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp. HCM	9.118.459	25,00%
Cty TNHH Xăng Dầu Tây Nam Bộ	1800158559	Số 21, CMT8, P. Thới Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	5.083.913	13,94%
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Kiên Giang	244/QĐ-UBND	Số 40 Lô B11, Tôn Đức Thắng, P. Vĩnh Bảo, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	3.647.383	10,00%

PHẦN III

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thanh Tung	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Văn Cảnh	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
4	Ông Nguyễn Duy An	Thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc
5	Bà Võ Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc
6	Ông Vũ Quang Hiến	Thành viên HĐQT
7	Ông Võ Thái Sơn	Thành viên HĐQT
8	Ông Phạm Bình Dương	Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Thanh Tung – Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	03/02/1965
Địa chỉ thường trú	Số 7 đường Hải Triều, P.Vinh Thanh Vân, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ	5.857.714
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	16,06%

Ông Nguyễn Văn Cảnh – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	29/9/1961
Địa chỉ thường trú	Số 116 D Cư xá Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ Kinh tế, Cử nhân Luật
Số cổ phiếu nắm giữ	7.294.767
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	20,00%

Ông Phạm Văn Hoàng – Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Năm sinh	25/04/1965
Địa chỉ thường trú	Số 1188A Nguyễn Trung Trực, P. An Bình, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ	4.748.998
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	13,02%

Ông Nguyễn Duy An – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	23/05/1966
Địa chỉ thường trú	Số 82/17/1A Quang Trung, P. Vĩnh Quang, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế kỹ thuật
Số cổ phiếu nắm giữ	3.653.483
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	10,02%

Bà Võ Thị Hương Giang – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	03/04/1974
Địa chỉ thường trú	Số 07 Đông Hồ, P. Vĩnh Thanh, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Số cổ phiếu nắm giữ	3.651.183
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	10,01%

Ông Vũ Quang Hiến – Thành viên HĐQT

Năm sinh	10/11/1961
Địa chỉ thường trú	Số 10 B5 Nguyễn Phương Danh, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Số cổ phiếu nắm giữ	3.647.383
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	10,00%

Ông Võ Thái Sơn – Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh	10/10/1969
Địa chỉ thường trú	Số 68 CMT8, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phiếu nắm giữ	5.083.913
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	13,94%

Ông Phạm Bình Dương – Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh	27/02/1966
Địa chỉ thường trú	Số 345/60/20 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu nắm giữ	1.823.692
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	5,00%

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Phạm Văn Hoàng	Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Thành Công	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Duy An	Phó Tổng giám đốc
4	Bà Huỳnh Thanh Nguyên	Phó Tổng giám đốc
5	Bà Võ Thị Hương Giang	Phó Tổng giám đốc
6	Ông Phạm Bình Dương	Phó Tổng giám đốc
7	Ông Đinh Hoài Thanh	Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Thành Công – Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	02/02/1977
Địa chỉ thường trú	Vĩnh Hòa Hiệp, Châu Thành, Kiên Giang
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Tin học
Số cổ phiếu nắm giữ	400
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,00%

Bà Huỳnh Thanh Nguyên – Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	20/07/1963
Địa chỉ thường trú	Số 38 Đinh Tiên Hoàng, P.Vĩnh Thanh Vân, TP.Rạch Giá, Kiên Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ	3.500
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,01%

Ông Đinh Hoài Thanh – Kế toán trưởng

Năm sinh	17/06/1981
Địa chỉ thường trú	Xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán tổng hợp
Số cổ phiếu nắm giữ	6.000
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,02%



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT:

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Đặng Văn Lành	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Trần Hữu Nghị	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên Ban kiểm soát
4	Bà Nguyễn Thị Bạch Dương	Thành viên Ban kiểm soát
5	Bà Lý Thu Diễm	Thành viên Ban kiểm soát

Ông Đặng Văn Lành – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh	14/01/1974
Địa chỉ thường trú	Số 117 Tạ Quang Bửu, P. An Hòa. Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ quản lý kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ	1.900
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	0,05%

Ông Trần Hữu Nghị – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	22/4/1985
Địa chỉ thường trú	Ấp Thăng Lợi, xã Vĩnh Thăng, H. Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
Trình độ chuyên môn	Ths Quản Trị Kinh Doanh, Nghiên cứu sinh Tài chính – Ngân hàng
Số cổ phiếu nắm giữ	-
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	-

Ông Nguyễn Văn Khoa – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	13/11/1962
Địa chỉ thường trú	99/2D Cộng Hòa, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính xây dựng cơ bản
Số cổ phiếu nắm giữ	-
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	-

Bà Nguyễn Thị Bạch Dương – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	18/09/1981
Địa chỉ thường trú	Số L2-17 Trần Quang Khải, P. An Hòa, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế Toán Doanh Nghiệp
Số cổ phiếu nắm giữ	-
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	-

Bà Lý Thu Diễm – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	11/11/1978
Địa chỉ thường trú	42/27 Trần Phú, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Đại học tài chính Ngân hàng, Đại học Quản Trị Kinh Doanh
Số cổ phiếu nắm giữ	-
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	-

CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2017

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Sau đại học	7	1,00
2	Trình độ Đại học	120	26,00
3	Trình độ Cao đẳng	21	4,00
4	Trình độ Trung cấp	59	13,00
5	Trình độ Sơ cấp	70	15,00
6	Lao động phổ thông	193	41,00
II	Theo giới tính		
1	Nam	288	61,28
2	Nữ	182	38,72
III	Theo tính chất lao động		
1	Trực tiếp sản xuất	250	53,00
2	Không trực tiếp sản xuất	220	47,00
	Tổng cộng	470	100

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH LƯƠNG - THƯỜNG

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng rõ ràng, minh bạch, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, đồng thời đảm bảo đầy đủ mọi quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân trực tiếp được hưởng lương theo cấp bậc và tay nghề. Công ty không chỉ xây dựng chính sách lương thưởng dựa trên mặt bằng lương chung của thị trường, cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành, phù hợp với yêu cầu và khối lượng công việc thực tế mà còn xây dựng chính sách, cơ chế lương thưởng đãi ngộ riêng đối với nguồn nhân lực chất lượng cao. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên

thu thập thông tin tìm hiểu nhu cầu của người lao động trên từng vị trí công tác trên tinh thần hợp tác, Công ty đã tiếp nhận tất cả các ý kiến sau đó phân tích đánh giá tại các phiên họp định kỳ hoặc không định kỳ của Công ty để ra quyết định hành động kịp thời.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật. Hàng năm, các Tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty nâng cao tinh thần, rèn luyện sức khỏe.

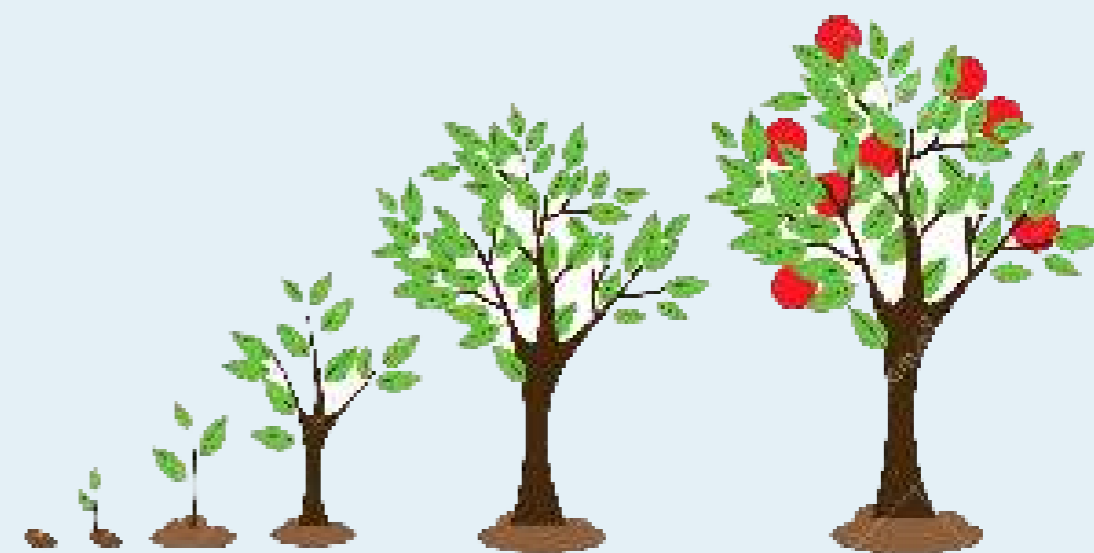
CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO

Nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của Công ty. Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn cao, phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng các nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty. Hàng năm, Công ty tiến hành dự báo và lập kế hoạch tuyển dụng. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng xây dựng quy trình tuyển dụng cùng với yêu cầu công việc sao cho phù hợp với từng vị trí. Đặc biệt đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng phải chặt chẽ hơn với các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập.

Công ty thường xuyên tổ chức những chương trình đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, tay nghề cho công nhân kỹ thuật đồng thời nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công nhân viên được học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, đóng góp sáng kiến vào quá trình sản xuất kinh doanh,... đồng thời tạo điều kiện để người lao động được tiếp cận, cập nhật những kiến thức, công nghệ mới nhất nhằm tăng năng suất, hiệu quả làm việc và tránh các rủi ro không đáng có. Hơn thế nữa, Công ty còn tổ chức các chương trình tập huấn, tổ chức diễn tập Phòng chống cháy nổ, sơ cấp cứu,...

Thu nhập bình quân của người lao động

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	8.800.000	9.600.000	7.200.000





PHẦN IV

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá tình hình chung

Trong năm 2017, kinh tế nước ta diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng tốt, tình hình chính trị ổn định, hoạt động giao thương giữa các nước tích cực, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển. Là đơn vị nhà nước hoạt động lâu năm trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Được sự quan tâm và hỗ trợ của UBND và các ban ngành trong tỉnh, KTC có mối quan hệ lâu năm, bền chặt với nhiều doanh nghiệp đầu ngành trong việc cung cấp nguyên vật liệu đầu vào như: xăng dầu; lúa, gạo... Sản phẩm cá hộp của Công ty được xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới như: thị trường EU; Mỹ, Canada, Trung Đông, Châu Phi, Hàn Quốc, Hồng Kong, Singapore...

Trong 5 tháng cuối năm 2017, các chỉ tiêu kinh tế đều vượt kế hoạch đề ra, đây là kết quả của sự nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi của tập thể Cán bộ, người lao động trong toàn hệ thống Công ty, luôn đồng hành cùng Công ty vượt qua những khó khăn, thách thức để phát triển bền vững, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động tại địa phương nói chung và Công ty nói riêng.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TỪNG LĨNH VỰC:

Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu

- Năm 2017, giá cả xăng dầu thế giới biến động liên tục đã tác động đến giá xăng dầu trong nước, khiến cho thị trường xăng dầu trong nước diễn biến phức tạp với 23 lần điều chỉnh giá, nguồn hàng có lúc cực kỳ khan hiếm gây không ít khó khăn trong hoạt động kinh doanh và vai trò bình ổn thị trường xăng dầu trong tình.
- Tình trạng buôn lậu và gian lận thương mại vẫn diễn ra khá phức tạp, nhất là tình trạng buôn lậu xăng dầu trên biển Tây và buôn lậu xăng dầu qua biên giới đã làm cho môi trường kinh doanh thiếu lành mạnh, gây bất lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh chân chính.
- Với mạng lưới cửa hàng xăng dầu rộng khắp trên địa bàn tỉnh và các vùng phụ cận ổn định nhiều năm qua tiếp tục duy trì hơn 30% thị phần trong tỉnh. Năm tháng cuối năm, sản lượng tiêu thụ xăng dầu 91.125 m³, đạt 120% kế hoạch 5 tháng cuối năm.



Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu

- Lĩnh vực chế biến thủy sản nói chung, nhất là mặt hàng cá ngừ đóng hộp, các doanh nghiệp Việt Nam phải cạnh tranh khốc liệt về giá với các nước khác như Philipine và Ecuador vì các sản phẩm cá ngừ đóng hộp xuất khẩu của Ecuador và Philipine sang EU đã được hưởng ưu đãi thuế quan 0%, trong khi Việt Nam chưa được hưởng thuế suất này mặc dù đã ký hiệp định với EU nên rất khó cạnh tranh.
- Bên cạnh đó, các doanh nghiệp xuất khẩu cá ngừ đóng hộp còn gặp khó khăn về nguyên liệu đầu vào do sản lượng đánh bắt sụt giảm đáng kể, nguồn cung không ổn định làm cho giá tăng đột biến. Các thị trường nhập khẩu lớn đều yêu cầu doanh nghiệp xuất khẩu cá ngừ phải chứng minh nguồn gốc xuất xứ. Điều này cũng đặt ra những thách thức không nhỏ cho việc thu mua nguyên liệu đầu vào. Cùng với khó khăn về nguyên liệu đầu vào thì tháng 10/2017 ngành thủy sản Việt Nam bị thẻ vàng khi xuất khẩu vào EU, đây là một thách thức lớn đối với ngành khai thác, chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng, ảnh hưởng lớn đến sản lượng xuất khẩu vào EU và các thị trường khác như Mỹ. Đồng thời, trong thời gian bị thẻ vàng, 100% lô hàng hải sản xuất khẩu sang EU đều bị giữ lại để kiểm tra nguồn gốc khai thác làm mất thời gian và chi phí cho Công ty.
- Đối mặt với những rào cản và khó khăn chung của ngành xuất khẩu thủy sản, 5 tháng cuối năm, sản lượng tiêu thụ cá đóng hộp 66 Cont, đạt 94% kế hoạch, kim ngạch xuất khẩu 3.702.533 USD, đạt 93% kế hoạch.

Lĩnh vực kinh doanh thương mại và xuất khẩu gạo

- Thị trường xuất khẩu 5 tháng cuối năm 2017 chuyển biến tích cực nhờ nhu cầu nhập khẩu tăng từ các nước như: Banglades, Philippines, Malaysia... đặc biệt là Trung Quốc đã tạo cơ hội mới cho xuất khẩu gạo. Ngành SXKD gạo đang theo chiều hướng giảm dần các loại gạo cấp thấp và tăng trưởng mạnh các loại gạo chất lượng cao, nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh lúa gạo. Sự chuyển đổi cơ cấu chủng loại và chất lượng gạo xuất khẩu trong thời gian qua xuất phát từ nhu cầu thị trường, nhất là Trung Quốc, thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất và các chính sách, cơ chế khuyến khích của Chính phủ đã dẫn dắt phát triển sản xuất ngành gạo. Bên cạnh đó, lợi thế của Công ty là một trong 22 doanh nghiệp Việt Nam được xuất khẩu gạo trực tiếp sang thị trường Trung Quốc. Tuy nhiên, do biến đổi khí hậu, môi trường khắc nghiệt tác động thường xuyên đến sản xuất như: tình trạng hạn hán làm thiếu nước, tình trạng mưa bão gây lũ lụt làm thiệt hại thu hoạch mùa vụ, làm giảm sản lượng, khan hiếm nguồn nguyên liệu dẫn đến giá lúa gạo tăng cao làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty.
- Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn nhưng lĩnh vực sản xuất kinh doanh thương mại và xuất khẩu gạo của Công ty 05 tháng cuối năm vẫn đạt và vượt kế hoạch đề ra về sản lượng và kim ngạch xuất khẩu. Cụ thể: sản lượng gạo đạt 63.842 tấn, đạt 106% kế hoạch, kim ngạch xuất khẩu đạt 30.496.157 USD, đạt 156,4% kế hoạch.

Lĩnh vực bất động sản

- Kinh doanh bất động sản đối với những khu đất tại Dự án khu đô thị mới 67,5 ha Dương Đông, Phú Quốc, Công ty còn gặp nhiều khó khăn do phải xin ý kiến UBND tỉnh và các Sở ngành về việc xác định giá trị quyền sử dụng đất và công tác chuyển đổi tên chủ sở hữu trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện công ty đang quản lý sử dụng còn chậm so với yêu cầu do phải trích đo vẽ lại toàn bộ khu đất.

Lĩnh vực đầu tư tài chính

- Trong năm qua, lĩnh vực đầu tư tài chính được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo quyết liệt, đã ban hành Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Công ty cổ phần Thương mại Kiên Giang đầu tư vào doanh nghiệp khác, trên cơ sở đó từng cá nhân được Công ty cử tham gia đại diện vốn thể hiện hết tinh thần trách nhiệm của mình trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Công ty và đối với doanh nghiệp có vốn của Công ty đầu tư, kết quả có nhiều doanh nghiệp kinh doanh mang lại lợi nhuận khá đơn cử như chia cổ tức năm 2017 của Công ty CP Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang 36%, Công ty CP Sài Gòn - Phú Quốc cổ tức 25%, Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang cổ tức 5%...Tuy nhiên vẫn tồn tại một số Công ty thành viên hoạt động không hiệu quả dẫn đến lợi nhuận từ đầu tư tài chính tại Công ty đó thấp thậm chí không có lợi nhuận. Trong năm 2017, Công ty cổ phần Thương mại Kiên Giang đã xem xét, đánh giá năng lực của Công ty thành viên và tiếp tục thực hiện thoái vốn tại một số Công ty thành viên hoạt động không hiệu quả trong năm 2018.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	01/08/2017	31/12/2017
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	871.017	872.889
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	643.360	609.911
3	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.514.377	1.482.800

Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	01/08/2017	31/12/2017
1	Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	954.159	1.029.827
2	Nợ dài hạn	Triệu đồng	165.710	51.008
3	Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	1.119.869	1.080.835



Tài sản dài hạn

Tài sản ngắn hạn



Nợ dài hạn

Nợ ngắn hạn



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Trong năm, Công ty đã Tập trung hoàn thiện kế hoạch và hồ sơ cho việc đầu tư nâng cấp sửa chữa các Cửa hàng xăng dầu đã xuống cấp và trang bị dấu hiệu nhận diện thương mại nhằm để ký kết các hợp đồng mua bán xăng dầu cho năm 2018.
- Phát triển thêm cửa hàng bán lẻ xăng dầu bằng hình thức thuê lại 02 Cửa hàng bán lẻ xăng dầu của DNTN Phước Dư, địa chỉ Tổ 5, đường Võ Văn Kiệt, KP4, Phường Vĩnh Thông, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang và Cửa hàng bán lẻ xăng dầu của Công ty TNHH MTV Bảy Lành, địa chỉ Tổ 2, Ấp Phước An, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Nhằm phục vụ cho công tác đóng hàng gạo xuất khẩu nhanh và đúng tiến độ theo thỏa thuận hợp đồng với khách hàng, Công ty đã đầu tư lắp đặt 01 máy Sortexd cho Xí nghiệp gạo Giồng Riềng (PX 2), với trị giá khoảng 2,21 tỷ đồng.
- Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện tốt công tác quản lý ISO, HACCP, IFS, BRC.... và các chương trình quản lý chất lượng trong sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện đánh giá và đạt tiêu chuẩn chứng nhận quản lý chất lượng ISO 9001:2015, tiêu chuẩn chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm ISO 22000:2015.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trong năm 2017 tình hình kinh tế trong nước có nhiều chuyển biến tích cực, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế đang trên đà phục hồi, nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Nhà nước bắt đầu có hiệu lực, đó là những tín hiệu khả quan, là tiền đề quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2018.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất lợi; mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài sẽ khốc liệt hơn do việc mở cửa thị trường thực hiện các cam kết WTO và các hiệp định FTA. Đây là những thách thức trong thực hiện chỉ tiêu kế hoạch SXKD và nâng cao năng lực cạnh tranh trong năm 2018.



Trên cơ sở nhận diện thách thức khó khăn để khắc phục và khai thác yếu tố thời cơ thuận lợi, thế mạnh để phát huy, Công ty đề ra kế hoạch, giải pháp thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2018 như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu năm 2018
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	4.000.000
2	Kim ngạch xuất khẩu	USD	60.500.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	29.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	23.200
5	Sản lượng tiêu thụ:		
	- Xăng dầu	m3	202.000
	- Gạo các loại	Tấn	140.000
	- Đồ hộp các loại	Container	220
6	Quỹ đầu tư phát triển	%	10
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	%	10
8	Chia cổ tức	%	5 đến 8
9	Thu nhập bình quân của người lao động	Đồng/Người/Tháng	7.200.000
10	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	7,95

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

- Tiếp tục hoàn thiện các Quy định, Quy trình về quản lý, điều hành nội bộ của Công ty. Các chế độ đãi ngộ cho người lao động, để thu nhập của người lao động thật sự là đòn bẩy, là động lực quan trọng nhằm phát huy tính tự chủ và năng động sáng tạo trong công việc của toàn thể người lao động, trước hết là trong lực lượng cán bộ lãnh đạo quản lý, điều hành Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Làm tốt hơn nữa công tác Marketing, chăm sóc khách hàng, quảng bá thương hiệu nhằm phát triển, mở rộng thị trường phân phối tiêu thụ sản phẩm cả trong nước và nước ngoài; nâng cao năng lực dự báo và phân tích tình hình thị trường, quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Phát triển kênh bán lẻ trong kinh doanh xăng dầu nhằm mở rộng thị phần và nâng cao năng lực cạnh tranh, làm tốt chính sách chăm sóc khách hàng, xây dựng dấu hiệu nhận diện thương mại mới. Đầu tư mở rộng mạng lưới các cửa hàng bán lẻ, các kênh bán hàng, góp phần gia tăng sản lượng và thị phần.
- Thường xuyên bám sát diễn biến thị trường nông sản và thủy sản đóng hộp của các nước nhập khẩu, nhằm đề ra chiến lược kinh doanh phù hợp cho mỗi phân khúc thị trường trong từng giai đoạn, quản lý giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Khai thác tốt các thị trường truyền thống gắn với tăng cường quảng bá, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường. Tập trung chỉ đạo các giải pháp quản lý hiệu quả, tiết kiệm chi phí sản xuất; nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, ổn định nguồn hàng, củng cố và nâng cao thương hiệu, uy tín kinh doanh, đáp ứng nhu cầu đa dạng sản phẩm của thị trường trong và ngoài nước.
- Tranh thủ sự ủng hộ của lãnh đạo các cấp, các ngành trong xử lý vướng mắc còn tồn tại và phát sinh mới tại dự án khu đô thị Bắc Dương Đông Phú Quốc, nhằm giải quyết dứt điểm những tồn tại, khó khăn trong nhiều năm qua, đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng, xác lập hồ sơ đủ điều kiện chuyển nhượng để tiến hành bán hàng, thu hồi vốn và khai thác lợi nhuận từ dự án.

PHẦN V

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY

Bối cảnh chung

- Trong năm qua, tình hình kinh tế thế giới còn nhiều diễn biến phức tạp, chính sách bảo hộ thương mại, bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch, rào cản kỹ thuật của các nước lớn, đứng đầu là Mỹ và sự kiện Mỹ rút khỏi hiệp định TPP đã tác động nhất định đến nền kinh tế nước ta; giá cả trong nước có nhiều biến động, nhất là giá xăng dầu đã có 23 lần điều chỉnh, thị trường gạo những tháng cuối năm có lợi cho xuất khẩu nhưng nguồn nguyên liệu gạo cuối năm khan hiếm làm cho giá cả tăng cao; về thị trường nguyên liệu cá ngừ không ổn định, ngư trường khai thác bị thu hẹp làm cho nguồn nguyên liệu giảm, cạnh tranh gay gắt về thu mua nguyên liệu, dẫn đến đẩy giá cả lên cao. Tình hình thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra trong năm 2017 ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống người dân, đồng thời tác động đáng kể tới hoạt động SXKD và xuất khẩu của Việt Nam và một số nước trong khu vực nói chung, Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang nói riêng.
- Từ những thuận lợi, khó khăn trên. Với sự quyết tâm của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc cùng với sự đồng lòng của đội ngũ cán bộ, công nhân, người lao động toàn hệ thống Công ty, đã phát huy những truyền thống của Công ty những năm qua, phát huy lợi thế, biến thách thức thành cơ hội đã phấn đấu thực hiện đạt nhiều kết quả đáng phấn khởi trên các lĩnh vực SXKD của Công ty trong 05 tháng cuối năm 2017.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trong năm qua, HĐQT đã thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo mọi hoạt động của công ty được triển khai đúng nội dung các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực hết mình để đạt được những mục tiêu mà HĐQT giao cho. HĐQT đánh giá cao những nỗ lực và quyết tâm của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành công ty. Kết quả sản xuất kinh doanh trong 5 tháng 2017 đã nói lên những thành công của công ty và HĐQT cùng ban điều hành đang hướng đến sự phát triển tốt hơn trong những năm sắp tới.
- HĐQT luôn có những kế hoạch, những chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn để hướng công ty đến những thành công trong tương lai đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Trong năm qua, Ban Tổng giám đốc tham mưu trình HĐQT xem xét quyết định từng giải pháp cụ thể để cơ cấu lại nguồn vốn và tài sản đầu tư nhằm giảm áp lực về thanh khoản, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn Công ty. Cấu trúc lại tài sản đầu tư trong lĩnh vực chế biến gạo xuất khẩu và cơ cấu lại danh mục đầu tư tài chính dài hạn ở một số đơn vị và khoản mục đầu tư.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Kim ngạch xuất khẩu	USD	60.500.000
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	29

NHIỆT LIỆT CHÀO MỪNG
PHÁI ĐOÀN LÃNH ĐẠO UBND TỈNH KIÊN GIANG - UBND TP. RẠCH GIÁ
ĐẾN THĂM NHÀ DƯỠNG LÃO



PHẦN VI
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tình hình lao động trong Công ty

- Tổng số cán bộ, công nhân lao động toàn Công ty tính đến ngày 31/12/2017 là 470 người. Trong đó, 250 lao động trực tiếp, 220 lao động gián tiếp, về trình độ chuyên môn có 07 Thạc sỹ, 120 Đại học, 21 Cao đẳng, 59 Trung cấp, 70 Sơ cấp và 193 lao động phổ thông. Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty gồm: HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, 06 phòng, ban chuyên môn, 05 đơn vị trực thuộc.
- Nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu chỉ đạo điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, trên cơ sở ổn định đội ngũ lãnh đạo cấp phòng và tương đương đã có. Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Công ty về phê duyệt Đề án Biên chế, cơ cấu bộ máy tổ chức, mô tả cụ thể vị trí, chức danh làm việc của từng cán bộ, công nhân, lao động theo hướng chuyên nghiệp và trách nhiệm. Tổng Giám đốc Công ty đã ra Quyết định điều động và bổ nhiệm 03 Phó Trưởng Phòng nghiệp vụ Công ty; 02 Phó Giám đốc, 01 Trưởng và 01 Phó Phòng nghiệp vụ ở các đơn vị trực thuộc.

Về đời sống tinh thần của người lao động:

- Tổ chức các hoạt động văn nghệ, hội thao trong Công ty để tăng cường sự gắn bó đoàn kết giữa các thành viên trong Công ty, cũng như rèn luyện sức khỏe, tạo tinh thần thoải mái cho mỗi nhân viên, từ đó gắn bó lâu dài với Công ty.
- Trong năm, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động nhân sự như: thăm hỏi động viên tinh thần các nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức sinh nhật, các chuyến du lịch nghỉ dưỡng, tổ chức ngày lễ quốc tế phụ nữ...
- Lắng nghe ý kiến, tâm tư nguyện vọng của các nhân viên trong Công ty qua hòm thư góp ý để từ đó hiểu được khó khăn mà công nhân viên gặp phải trong quá trình làm việc, tiến hành giải quyết các vướng mắc để nhân viên Công ty thoải mái, chuyên tâm tham gia sản xuất kinh doanh.
- Công ty cũng quan tâm và tạo điều kiện thực hiện tốt công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy. Trong năm qua, Công ty đã tổ chức đưa đi tập huấn công tác PCCC cho 60 người lao động và công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) cho 20 người lao động. Phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ tỉnh Kiên Giang tổ chức diễn tập PCCC tại kho Xăng dầu Thọ Phước và Kho Xăng dầu Kiên Lương. Hội đồng bảo hộ lao động Công ty thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ tại các kho hàng, cửa hàng, nhà máy sản xuất và các công trình thi công, không để sự cố đáng tiếc xảy ra, đảm bảo an toàn cho người và tài sản Công ty.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải trong sản xuất ra môi trường tiếp nhận, vận động các cán bộ công nhân viên thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành, làm nên một nếp sống văn minh trong mỗi cá nhân người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện trồng cây xanh quanh nơi làm việc nhằm tạo thêm mảng xanh nơi làm việc, góp phần tạo tâm lý thoải mái cho người lao động.

Hằng năm, công tác vì cộng đồng của Công ty được tổ chức thường xuyên để nâng cao trách nhiệm tinh thần của mỗi cá nhân đối với xã hội. Công tác này được đồng thuận mạnh mẽ của Ban điều hành, Công đoàn của KTC tích cực vận động cán bộ công nhân viên sống tốt hòa nhập với cộng đồng địa phương đang ở, tổ chức thăm hỏi kịp thời các hoàn cảnh khó khăn đột xuất và bệnh tật... Công ty cũng thường xuyên tổ chức những buổi công tác xã hội, đền ơn đáp nghĩa nhằm đóng góp một phần vào sự phát triển của xã hội, chăm lo đời sống cho những mảnh đời bất hạnh, những người đã có công với đất nước trong các cuộc chiến tranh.





ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THÀNH LẬP

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KHAI GIANG



PHẦN VII

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 phiên họp đề ra nhiều chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và chỉ đạo Ban điều hành, Ban quản lý dự án trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức triển khai các dự án trọng điểm.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Thanh Tung	Chủ tịch	08	100%
2	Ông Nguyễn Văn Cảnh	Phó Chủ tịch	08	100%
3	Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên	08	100%
4	Ông Nguyễn Duy An	Thành viên	08	100%
5	Bà Võ Thị Hương Giang	Thành viên	08	100%
6	Ông Vũ Quang Hiến	Thành viên	08	100%
7	Ông Võ Thái Sơn	Thành viên	08	100%
8	Ông Phạm Bình Dương	Thành viên	08	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	02/NQ-HĐQT.KTC	22/7/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả bầu cử Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT Công ty; - Thông qua nhân sự Ban điều hành Công ty; - Bổ nhiệm ông Đinh Hoài Thanh giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty; - Thông qua các Tờ trình: <ul style="list-style-type: none"> + Tờ trình số 06/TTr-TMKG ngày 22/7/2018 của Chủ tịch HĐQT về cơ cấu bộ máy tổ chức Công ty. + Tờ trình số 07/TTr-TMKG ngày 22/7/2017 của Chủ tịch HĐQT về trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát. + Tờ trình số 08/TTr-TMKG ngày 22/7/2017 của Chủ tịch HĐQT về nhân sự Trưởng các Phòng chuyên môn, Giám đốc và Trưởng các đơn vị trực thuộc.
2	10/NQ-KTC	11/8/2017	Thông nhất chủ trương vay vốn (400 tỷ đồng) tại BIDV Kiên Giang.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
3	11/NQ-KTC	11/8/2017	Thông nhất chủ trương vay vốn (400 tỷ đồng) tại Vietcombank Kiên Giang.
4	12/NQ-KTC	11/8/2017	Thông nhất chủ trương vay vốn (70 tỷ đồng) tại HDBank Kiên Giang.
5	13/NQ-HĐQT.KTC	14/8/2017	Thông qua các Biên bản họp HĐQT về vay vốn tại BIDV Kiên Giang, Vietcombank Kiên Giang và HDBank Kiên Giang phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty.
6	14/NQ-HĐQT.KTC	15/8/2017	Thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của DNTN xăng dầu Phú Quý.
7	15/NQ-HĐQT.KTC	15/8/2017	Giao quyền cho ông Phạm Văn Hoàng - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc làm chủ tài khoản giao dịch của Công ty.
8	16/NQ-HĐQT.KTC	15/8/2017	Thực hiện các quy chế quản trị nội bộ Công ty.
9	17/NQ-HĐQT.KTC	15/8/2017	Thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Du lịch Kiên Giang và Công ty Cổ phần Vận tải Thủy bộ Kiên Giang.
10	18/NQ-HĐQT.KTC	12/9/2017	Thanh lý các tài sản không cần dùng (3 nền đất nông thôn thuộc dự án Khu dân cư Kênh 5, huyện Tân Hiệp; Nhà kho phân xưởng II thuộc Xí nghiệp CB gạo XK Tân Hiệp; Căn nhà số 36 đường Phạm Hồng Thái, TP Rạch Giá; Khu đất chợ thuộc Dự án Khu đô thị mới 67,5ha).
11	19/NQ-HĐQT.KTC	11/9/2017	Phân công ông Ngô Thanh Bình làm Thư ký HĐQT.
12	22/NQ-HĐQT.KTC	26/9/2017	Đăng ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
13	22a/NQ-HĐQT.KTC	26/9/2017	Thành lập Ban Tổng hợp trực thuộc HĐQT.
14	23/NQ-HĐQT.KTC	26/9/2017	Phê duyệt Quy chế làm việc của Ban Tổng Giám đốc Công ty.
15	24/NQ-HĐQT.KTC	01/10/2017	Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT.
16	25/NQ-KTC-HĐQT	09/10/2017	Thông qua Quy chế làm việc của các cấp lãnh đạo Công ty.
17	26/NQ-KTC-HĐQT	09/10/2017	Thông qua Quy chế quản lý tài chính.
18	27/NQ-KTC-HĐQT	09/10/2017	Thông qua Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Công ty KTC đầu tư vào doanh nghiệp khác.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
19	28/NQ-KTC-HĐQT	27/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2 tháng (8 và 9) năm 2017; - Thông qua Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp hoạt động, quản lý tài chính tại Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu KG; - Thông qua Quy chế chi hoa hồng trong giao dịch, môi giới xuất khẩu gạo của Công ty; - Thông qua Tờ trình ngày 24/10/2017 của ông Nguyễn Duy An (Người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ KG) về xin chủ trương bán căn nhà số 5, đường Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, TP Hồ Chí Minh. - Thông qua Tờ trình số 178/TTr-CPTM ngày 25/10/2017 của Tổng Giám đốc về xin chủ trương chuyển nhượng quyền sử dụng đất (khu đất chợ thuộc dự án 67,5 ha). - Thông qua Tờ trình số 179/TTr-CPTM ngày 25/10/2017 của Tổng Giám đốc về xin chủ trương chuyển nhượng quyền sử dụng đất giai đoạn III thuộc dự án 67,5 ha.
20	28a/NQ-KTC-HĐQT	26/10/2017	Thành lập Ban phát triển Cửa hàng Xăng dầu.
21	29/NQ-KTC-HĐQT	30/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2 tháng (8 và 9) năm 2017; - Thông qua Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp hoạt động, quản lý tài chính tại Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu KG; - Thông qua Quy chế chi hoa hồng trong giao dịch, môi giới xuất khẩu gạo của Công ty; - Thông qua Tờ trình ngày 24/10/2017 của ông Nguyễn Duy An (Người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ KG) về xin chủ trương bán căn nhà số 5, đường Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, TP Hồ Chí Minh. <p>(Thay thế cho Nghị quyết số 28/NQ-KTC-HĐQT ngày 27/10/2017).</p>
22	01/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Văn phòng Công ty.
23	02/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Phòng Tài chính Kế toán.
24	03/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Phòng Quản lý Dự án.
25	04/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Phòng Kế hoạch Kinh doanh.
26	05/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Phòng Xuất nhập khẩu.
27	06/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Trạm đại diện tại TP Hồ Chí Minh.
28	07/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu Kiên Giang.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
29	08/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu Phú Quốc.
30	09/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Nhà máy Thực phẩm đóng hộp KTC.
31	10/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Xí nghiệp CB gạo XK Giồng Riềng.
32	11/QĐ-TMKG	22/7/2017	Thành lập Xí nghiệp CB gạo XK Tân Hiệp.
33	12/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.
34	13/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc điều hành (ông Nguyễn Duy An).
35	14/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc điều hành (ông Nguyễn Thành Công).
36	15/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc điều hành (ông Phạm Bình Dương).
37	16/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc điều hành (bà Huỳnh Thanh Nguyên).
38	17/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc điều hành (bà Võ Thị Hương Giang).
39	18/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc (ông Trần Đình Khải Hoàn).
40	19/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Giám đốc Xí nghiệp CB gạo xuất khẩu Tân Hiệp (ông Lê Gia Huỳnh).
41	20/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty (ông Đinh Hoài Thanh).
42	21/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Giám đốc Xí nghiệp CB gạo xuất khẩu Giồng Riềng (ông Nguyễn Thanh Phong).
43	22/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Trưởng phòng Quản lý Dự án (ông Võ Chí Công).
44	23/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Trưởng phòng Xuất nhập khẩu (bà Trần Thị Mỹ Trang).
45	24/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Trưởng kho xăng dầu Phú Quốc (ông Quách Hoàng Thọ).
46	25/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Trưởng kho xăng dầu An Hòa (ông Nguyễn La Sơn).
47	26/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Trưởng kho xăng dầu Bình An (ông Nguyễn Chí Công).
48	27/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Trưởng kho xăng dầu Kiên Lương (bà Văng Thị Cẩm Giang).
49	28/QĐ-TMKG	22/7/2017	Bổ nhiệm Trưởng kho xăng dầu Thọ Phước (ông Đặng Trường Hải).
50	30/QĐ-TMKG	11/9/2017	Cử cán bộ đi công tác Macau (ông Phạm Văn Hoàng - Tổng Giám đốc).

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
51	31/QĐ-TMKG	11/9/2017	Cử cán bộ đi công tác Macau (ông Nguyễn Duy An - Phó Tổng Giám đốc).
52	32/QĐ-HĐQT.KTC	18/9/2017	Thành lập Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở.
53	33/QĐ-HĐQT.KTC	18/9/2017	Thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng.
54	34/QĐ-TMKG	18/9/2017	Tiếp nhận cán bộ (ông Nguyễn Chấn Hưng).
55	35/QĐ-HĐQT.KTC	01/10/2017	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT.
56	36/QĐ-KTC-HĐQT	09/10/2017	Ban hành Quy chế làm việc của các cấp lãnh đạo.
57	37/QĐ-KTC-HĐQT	09/10/2017	Ban hành Quy chế quản lý tài chính.
58	38/QĐ-KTC-HĐQT	09/10/2017	Ban hành Quy chế hoạt động của Người đại diện vốn theo ủy quyền.
59	41/QĐ-KTC-HĐQT	30/10/2017	Ban hành Quy chế chi hoa hồng môi giới trong xuất khẩu gạo của Công ty.
60	42/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp hoạt động, quản lý tài chính tại Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu KG.
61	43/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp hoạt động, quản lý tài chính tại Nhà máy Thực phẩm đóng hộp KTC.
62	44/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp hoạt động, quản lý tài chính tại Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu PQ.
63	45/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng con dấu.
64	46/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các Phòng/Ban nghiệp vụ trực thuộc Công ty.
65	47/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp hoạt động, quản lý tài chính tại Xí nghiệp CB gạo XK Giồng Riềng.
66	48/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy định quy trình thực hiện đầu tư phát triển Cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
67	49/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp hoạt động, quản lý tài chính tại Xí nghiệp CB gạo XK Tân Hiệp.
68	50/QĐ-KTC-HĐQT	06/11/2017	Ban hành Quy định quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty.
69	39/QĐ-KTC-HĐQT	22/11/2017	Thành lập Ban phát triển Cửa hàng xăng dầu.
70	40/QĐ-KTC-HĐQT	29/11/2017	Thành lập Ban Tổng hợp.
71	51/QĐ-KTC-HĐQT	28/12/2017	Cử ông Đinh Hoài Thanh tham gia Ban kiểm soát Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang.
72	52/QĐ-KTC-HĐQT	28/12/2017	Cử bà Võ Thị Hương Giang làm Người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền.

BAN KIỂM SOÁT

Các buổi họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Đặng Văn Lành	Trưởng Ban kiểm soát	02	100%
2	Ông Trần Hữu Nghị	Thành viên Ban kiểm soát	02	100%
3	Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên Ban kiểm soát	02	100%
4	Bà Nguyễn Thị Bạch Dương	Thành viên Ban kiểm soát	02	100%
5	Bà Lý Thu Diễm	Thành viên Ban kiểm soát	02	100%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo Điều lệ của Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban Tổng giám đốc và các bộ phận liên quan thực hiện.
- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.
- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
- Kiểm soát việc xây dựng phương án và phân phối lợi nhuận năm 2018.
- Kiểm soát việc công bố thông tin theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của pháp luật.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao	Lương
1	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT		200,000,000
2	Ông Nguyễn Văn Cảnh	Phó Chủ tịch HĐQT	20,000,000	
3	Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	15,000,000	170,000,000
4	Ông Nguyễn Duy An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	15,000,000	150,000,000
5	Bà Võ Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	15,000,000	150,000,000
6	Ông Phạm Bình Dương	Thành viên HĐQT	15,000,000	
7	Ông Vũ Quang Hiển	Thành viên HĐQT	15,000,000	
8	Ông Võ Thái Sơn	Thành viên HĐQT	15,000,000	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/08/2017
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		872.888.904.530	871.016.842.504
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	303.802.953.401	230.343.663.195
Tiền	111		303.802.953.401	217.843.663.195
Các khoản tương đương tiền	112		-	2.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		210.866.407.751	275.539.839.225
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	150.809.762.048	229.723.324.185
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	43.208.913.613	27.919.168.182
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.826.826.922	10.905.904.949
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(177.547.991)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		20.905.268	-
Hàng tồn kho	140	5.5	350.966.186.079	365.677.257.866
Hàng tồn kho	141		350.966.186.079	365.677.257.866
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.233.367.299	9.465.082.219
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	1.220.123.741	2.950.262.751
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.007.233.558	6.287.522.088
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	327.297.380
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/08/2017
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		609.911.487.273	643.360.213.048
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.999.156.000	10.176.289.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		8.999.156.000	10.176.289.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		418.970.166.363	452.719.246.276
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	305.424.802.467	338.726.209.017
Nguyên giá	222		566.803.530.927	616.043.421.863
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(261.378.728.460)	(277.317.212.846)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	113.545.363.896	113.993.037.259
Nguyên giá	228		115.124.293.963	115.124.866.963
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.578.930.067)	(1.131.819.724)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		24.557.060.691	23.645.468.026
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	24.557.060.691	23.645.468.026
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	149.262.038.762	146.931.317.213
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		84.768.758.595	81.538.035.048
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.493.282.167	64.493.282.167
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		8.123.065.457	10.787.892.533
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	8.123.065.457	10.787.892.533
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.482.800.391.803	1.514.377.066.552

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/08/2017
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.080.834.740.981	1.119.868.926.937
Nợ ngắn hạn	310		1.029.826.572.017	954.158.541.168
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	169.522.446.138	173.254.864.628
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	51.202.178.558	95.534.969.989
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	3.873.091.753	16.962.662.890
Phải trả người lao động	314		26.029.966.357	31.034.672.348
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	2.089.280.903	2.112.715.140
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	327.211.671
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	246.885.721.315	213.062.366.593
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	521.707.685.916	444.658.240.486
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.438.191.077	8.170.948.344
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		51.008.168.964	165.710.385.822
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	51.008.168.964	165.710.385.822
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/08/2017
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		401.965.650.822	394.508.128.565
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	401.965.650.822	394.508.128.565
Vốn góp của chủ sở hữu	411		364.738.330.000	364.738.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		364.738.330.000	364.738.330.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(16.598.552.690)	(16.940.427.400)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		15.280.966.910	15.499.845.964
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.660.563.119	29.305.046.996
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26.680.212.935	14.380.946.141
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.980.350.184	14.924.097.855
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		884.343.683	1.905.333.005
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.482.800.391.803	1.514.377.055.552

LÊ THỊ THUY
Người lập biểu

ĐINH HOÀI THANH
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN HOÀNG
Tổng Giám đốc
Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	2.198.320.681.237	2.763.678.766.731
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	8.238.957.101
Doanh thu thuần	10		2.198.320.681.237	2.747.740.809.630
Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.126.852.495.372	2.584.213.685.707
Lợi nhuận gộp	20		71.468.185.865	163.527.123.923
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.357.119.446	48.166.788.261
Chi phí tài chính	22	6.4	10.217.974.970	21.293.479.048
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.649.900.931	17.159.892.694
Lãi hoặc (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.290.721.548	1.495.728.381
Chi phí bán hàng	25	6.5	39.813.875.320	68.884.240.375
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	17.138.885.337	61.627.856.833
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.885.311.232	61.384.064.288
Thu nhập khác	31	6.7	1.952.964.177	8.635.534.682
Chi phí khác	32	6.8	1.115.010.764	23.245.758.723
Lợi nhuận khác	40		847.953.413	(16.610.224.061)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.733.264.645	44.773.840.227
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	15.505.746.412
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.733.264.645	29.268.093.815
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		11.779.281.833	29.260.637.468
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(45.997.188)	17.158.349
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	323	-

LÊ THỊ THUỶ
Người lập báo

ĐINH HOÀI THANH
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN HOÀNG
Tổng Giám đốc
Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		11.733.264.645	44.773.840.227
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		12.793.841.503	21.276.416.306
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		-	13.919.427
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		422.209.228	301.562.941
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.040.136.461)	(46.344.790.164)
Chi phí lãi vay	06		9.649.900.931	17.159.892.694
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.559.079.947	37.180.831.431
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		65.566.394.915	(53.715.206.254)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.898.683.266	69.654.401.716
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(29.389.177)	256.481.860.082
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.388.999.066	1.635.712.657
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.909.603.170)	(16.840.190.455)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(5.059.444.435)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(366.346.364)	(17.054.460.763)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		104.048.688.403	262.273.601.978
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.972.423.939)	(11.041.666.273)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	1.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.144.056.359	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		315.938.189	5.835.724.878
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.487.571.589	(4.206.941.395)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã	Thuyết	Từ ngày 01/08/2017	Từ ngày 01/01/2017
	số	minh	đến ngày 31/12/2017	đến ngày
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.879.200.792	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	1.882.981.017.562	1.888.522.466.172
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(1.891.790.716.132)	(1.863.747.416.682)
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	38		(2.080.362.537)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.010.880.315)	(109.224.950.510)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	60		83.522.376.677	157.842.610.073
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		220.343.663.195	62.501.106.063
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(63.060.471)	(52.941)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	303.602.953.401	220.343.663.195


LÊ THỊ THUY
 Người lập biểu


ĐINH HOÀI THANH
 Kế toán trưởng



PHẠM VĂN HOÀNG
 Tổng Giám đốc
 Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Du Lịch - Thương mại Kiên Giang theo quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 21 tháng 07 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 03 tháng 08 năm 2017.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn: kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tập đoàn như sau: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Mua bán chất bôi trơn, làm sạch động cơ, nhớt; Kéo xát thóc lúa, đánh bóng gạo; Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu, lương thực, thực phẩm, cá và thủy sản; Chế biến và đóng hộp thủy sản; Môi giới thương mại; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Kinh doanh bất động sản,...

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty, một công ty con và bốn công ty liên kết

Công ty

Công ty có các chi nhánh trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Xi nghiệp kinh doanh xăng dầu Kiên Giang	Số 499C, đường Nguyễn Trung Trực, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Xi nghiệp chế biến gạo Xuất khẩu Giồng Riềng	Tổ 2, ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
- Xi nghiệp chế biến gạo Xuất khẩu Tân Hiệp	Tổ 8, ấp Tân Thạnh, xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang
- Xi nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc	Tổ 2, Khu phố 1 đường Phan Đình Phùng, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
- Nhà máy Thực phẩm đóng hộp KTC	Khu Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kiên Giang	Lô D, số 3-4 đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Cung cấp dịch vụ lưu trữ ngắn hạn	98,03%	98,03%

Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền	Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, Ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Sản xuất, xuất khẩu thủy sản	35,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Đông Hợp Kiên Giang	Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, Ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Sản xuất, xuất khẩu thủy sản đóng hộp	38,08%	38,08%
Công ty Cổ phần Sách Và Thiết Bị Trường Học	Lô E6, số 30-31-32 đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh sách và văn phòng phẩm	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Số 30 đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh xăng dầu	49,00%	49,00%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước. Do kỳ tài chính cuối cùng Tập đoàn hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và kết thúc vào ngày 31 tháng 07 năm 2017 (7 tháng) và kỳ tài chính đầu tiên của Tập đoàn hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (5 tháng).

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 07 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 577 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ tài chính đầu tiên Tập đoàn hoạt động theo mô hình công ty cổ phần được bắt đầu từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán năm giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi); tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng BIDV (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng BIDV và Vietcombank (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công ty vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác cần phải trích lập vào ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường còn dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị thực tế của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bán giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố định liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các kỳ trước.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm: các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuế mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm đông lạnh Kiên Giang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị trường học	Công ty liên kết
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Công ty liên kết
Thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

4.20 Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Tập đoàn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 182.983.089.193 VND do Tập đoàn dùng nguồn vốn lưu động để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như khả năng thanh toán nợ đến hạn. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc tin rằng Tập đoàn hoạt động không có lãi trong tương lai cũng như không có khả năng thanh toán nợ đến hạn. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Tập đoàn tiếp tục hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Tiền mặt tiền quỹ - VND	11.860.902.920	6.420.854.812
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	0	0
+ VND	235.920.821.410	196.439.235.899
+ USD	56.014.677.882	14.976.935.715
+ EUR	6.751.183	6.836.999
Các khoản tương đương tiền - VND	0	2.500.000.000
	303.802.953.401	220.343.663.195

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Độc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ USD	2.472.884	56.014.677.882
+ EUR	251	6.751.183
		56.021.429.065

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Techvalue Limited	41.498.479.775	15.065.816.271
Bagon Lipunan Multi-Purpose Cooperative	33.620.505.000	0
Ông Hoàng Thái Tùng - Dự án 67,5	-	25.032.935.000
Ông Lê Anh Tuấn - Dự án 67,5 ha	-	25.126.628.000
Các khách hàng khác	75.690.777.273	161.498.944.911
	150.809.762.048	226.723.324.181

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Ngọc Quang Phát	5.072.500.000	913.560.000
Công ty TNHH MTV Chế Biến Lương Thực Đại tài	5.582.500.000	-
Bà Phạm Thị Phôi	5.000.000.000	2.500.000.000
Ban Đèn Bù Giải Tỏa 67,5 ha Phú Quốc	6.588.295.590	6.588.295.590
Công ty TNHH Khánh Tâm	8.504.679.905	8.504.679.905
Các nhà cung cấp khác	12.460.938.018	9.412.632.687
	43.208.913.513	27.919.168.182

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/08/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	-	-	74.347.420	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam	-	-	2.888.818.388	-
Phải thu về cổ phần hóa	2.111.816.235	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.715.010.687	-	15.122.739.061	-
	16.826.826.922	-	18.065.904.849	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/08/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	24.627.181.018	-	40.255.310.679	-
Nguyên vật liệu	13.516.891.780	-	5.069.507.544	-
Công cụ, dụng cụ	2.147.422.267	-	1.376.024.395	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	177.726.294.673	-	134.455.031.913	-
Thành phẩm	22.910.927.972	-	50.762.941.204	-
Hàng hóa	92.657.605.827	-	129.763.633.096	-
Hàng gửi đi bán	17.389.062.522	-	3.994.809.034	-
	350.886.186.679	-	365.677.267.845	-

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Chi phí bảo hiểm	147.279.564	352.172.361
Chi phí thuê đất, cửa hàng	17.518.664	688.377.834
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	625.855.613	1.088.463.690
Chi phí khác chờ phân bổ	435.468.480	810.268.666
	1.226.123.741	2.940.282.751

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.055.483.153	7.002.839.967
Chi phí sửa chữa tài sản	1.461.051.074	3.330.568.381
Chi phí khác chờ phân bổ	2.606.531.230	454.484.155
	8.123.065.457	10.787.892.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/08/2017	317.343.323.716	192.627.359.224	54.789.477.217	1.212.687.495	50.070.574.249	615.643.421.865
Mua sắm trong kỳ	-	-	419.062.000	30.354.545	-	487.416.545
Đầu tư XD/CB hoàn thành	373.266.760	-	-	-	-	373.266.760
Giảm do thoái vốn đầu tư	-	-	-	-	(50.070.574.249)	(50.070.574.249)
Tại ngày 31/12/2017	317.716.590.476	192.627.359.224	55.208.539.215	1.251.042.000	-	665.803.530.927
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/08/2017	127.002.022.116	88.251.842.325	32.081.636.583	896.455.295	28.285.215.626	277.317.212.045
Khấu hao trong kỳ	4.817.053.058	6.302.345.629	2.169.307.883	88.013.790	-	12.346.731.140
Giảm do thoái vốn đầu tư	-	-	-	-	(28.285.215.525)	(28.285.215.526)
Tại ngày 31/12/2017	132.619.085.174	93.554.188.954	34.250.944.246	984.510.085	-	261.378.728.460
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/08/2017	190.341.301.602	104.375.516.899	22.707.840.634	316.181.189	21.785.358.723	336.726.209.017
Tại ngày 31/12/2017	185.097.505.304	99.073.170.270	20.957.594.979	266.531.914	-	305.434.802.467
Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay						
Tại ngày 01/08/2017	161.662.854.570	89.570.116.165	15.330.120.198	-	-	266.579.282.092
Tại ngày 31/12/2017	157.944.276.005	84.905.433.630	14.174.447.716	-	-	257.320.689.485

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/08/2017	115.064.856.983	60.000.000	115.124.856.983
Mua trong kỳ	(583.000)	-	(583.000)
Tại ngày 31/12/2017	115.064.293.983	60.000.000	115.124.293.983
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/08/2017	1.071.819.724	60.000.000	1.131.819.724
Khấu hao trong kỳ	447.110.363	-	447.110.363
Tại ngày 31/12/2017	1.518.930.087	60.000.000	1.578.930.087
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/08/2017	113.993.037.259	-	113.993.037.259
Tại ngày 31/12/2017	113.545.363.896	-	113.545.363.896
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Tại ngày 01/08/2017	-	60.000.000	60.000.000
Tại ngày 31/12/2017	-	60.000.000	60.000.000
Giá trị còn lại tài sản cố định vô hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:			
Tại ngày 01/08/2017	102.726.908.761	-	102.726.908.761
Tại ngày 31/12/2017	102.356.181.347	-	102.356.181.347

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/08/2017	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng tài sản trong kỳ	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Giá trị mua đất bờ sông	660.000.000	-	-	660.000.000
Giá trị xây dựng dở dang kho ngoại quan, siêu thị miễn thuế tại Hà Tiên	18.081.685.573	-	-	18.081.685.573
Chi phí xây dựng dở dang khác	4.903.762.453	1.515.576.386	(603.977.721)	5.815.375.118
	23.645.468.026	1.515.576.386	(603.977.721)	24.557.066.691

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	(*) 84.768.756.595	81.538.035.046
Đầu tư dài hạn khác	(**) 64.493.282.167	64.493.282.167
	149.262.038.762	146.031.317.213

(*) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	66.217.954.000	66.217.954.000
Lợi nhuận lũy kế từ công ty liên kết	18.550.802.595	15.320.081.046
	84.768.756.595	81.538.035.046

() Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2017			01/08/2017		
	Giá trị đầu tư VND	Dự phông VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị đầu tư VND	Dự phông VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Sài Gòn Phú Quốc	7.555.491.328	-	(*)	7.555.491.328	-	7.555.491.328
Công ty Cổ phần Du Lịch Kiên Giang	502.277.763	-	(*)	502.277.763	-	502.277.763
Tổng công ty xăng dầu Việt Nam	55.881.449.600	-	(*)	55.881.449.600	-	55.881.449.600
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	343.070.000	-	(*)	343.070.000	-	343.070.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Sabeco Sông Hậu	202.033.476	-	(*)	202.033.476	-	202.033.476
Công ty Cổ phần Sữa Vinamilk	8.960.000	-	(*)	8.960.000	-	8.960.000
	84.493.282.167	-		84.493.282.167	-	84.493.282.167

(*) Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của các khoản đầu tư này.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 01 tháng 08 năm 2017 được trình bày theo Báo cáo kết quả thẩm định giá trị đầu tư với chứng thư số N173406/CENVALUE-CTTĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế Kỷ và chứng thư số 120/TS.1171 phát hành ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Và Thẩm Định Giá Đông Dương (gọi tắt là "DDA") với các ngoại trừ như sau:

- Giá trị đầu tư vào Công ty Cổ phần Du Lịch Kiên Giang, Công ty DDA tiến hành cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt giá trị cụ thể.
- Công ty Cổ phần Thương Mại Sabeco Sông Hậu không thể xác định tại giá trị đầu tư do không đủ tài liệu.

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Xăng Dầu Khu Vực II	3.018.936.465	22.832.550.894
Công ty Xăng Dầu Tây Nam Bộ	6.293.910.344	20.508.551.735
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Long Hưng	62.539.744.727	46.114.482.927
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hoá Dầu Quận Đệ	18.308.646.630	21.777.371.040
Công ty TNHH DELIFA	41.373.451.640	24.316.255.000
Các nhà cung cấp khác	37.986.757.332	37.903.673.230
	169.522.446.138	173.264.864.626

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Phát	11.868.477.800	11.868.477.800
Công ty TNHH Phát Triển Đầu Tư ECB	-	15.900.000.000
Công ty Cổ phần Nông Lâm Sản Kiên Giang	19.316.262.483	19.316.262.483
Goldmine Rice Marketing	5.361.664.685	-
Các nhà cung cấp khác	14.866.783.590	19.551.139.706
	61.202.178.558	65.534.969.989

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
<i>Thuế giá trị gia tăng đầu ra</i>	77.288.751	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	168.501.054	168.501.054
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.484.934.815	15.484.934.815
Thuế thu nhập cá nhân	62.357.133	28.712.553
Thuế tài nguyên	100.000.000	100.000.000
Các khoản phải nộp khác	-	240.514.468
	3.873.091.753	16.002.662.886

Thuế giá trị gia tăng:

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%, 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Tập đoàn áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Trích trước chi phí lãi vay	-	319.702.239
Trích trước chi phí môi giới, xuất khẩu	1.462.181.988	298.740.700
Trích trước chi phí khác	607.108.915	1.494.372.241
	2.069.290.903	2.112.715.180

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Các khoản phải trả Nhà nước và Cổ phần hóa	213.006.243.441	171.768.414.441
Các khoản phải trả khác	33.979.477.874	41.293.941.152
	246.985.721.315	213.062.355.593

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/08/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ngân hàng BIDV	298.455.382.065	298.455.382.065	257.695.918.646	257.695.918.646
Ngân hàng Vietcombank	212.917.604.851	212.917.604.851	139.744.237.570	139.744.237.570
Ngân hàng HDBank	-	-	31.910.084.270	31.910.084.270
Ngân hàng NVB	13.491.900.000	13.491.900.000	15.308.000.000	15.308.000.000
Vay tổ chức, cá nhân khác	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	19.842.799.000	19.842.799.000	-	-
	521.707.685.916	521.707.685.916	444.658.240.486	444.658.240.486

Đây là các khoản vay có thời hạn không quá 12 tháng với lãi suất linh động qua từng thời kỳ. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng được bảo đảm bằng giá trị tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình của Tập đoàn (xem thuyết minh 5.7 và 5.8).

5.16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017		01/08/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ngân hàng Vietcombank	23.551.000.000	23.551.000.000	42.982.900.000	42.982.900.000
Ngân hàng Agribank	26.829.755.464	26.829.755.464	30.100.755.464	30.100.755.464
Ngân hàng NCB	-	-	563.650.000	563.650.000
Ngân hàng HDBank	452.413.500	452.413.500	848.437.500	848.437.500
Vay và nợ dài hạn khác	175.000.000	175.000.000	91.214.642.858	91.214.642.858
	61.968.168.964	61.968.168.964	165.710.385.822	165.710.385.822

Đây là các khoản vay có thời hạn trên 12 tháng với lãi suất linh động qua từng thời kỳ. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng được bảo đảm bằng giá trị tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình của Tập đoàn (xem thuyết minh 5.7 và 5.8).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.17	Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	254.383.671.160	47.958.901.775	65.009.273.331	16.274.410.794	2.013.528.398	384.639.785.428	
Tại ngày 01/01/2017	110.354.658.840	(48.084.340.652)	(82.270.318.188)	-	-	-	
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	29.280.937.499	17.168.349	29.266.093.615	
Lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017	-	-	-	-	-	-	
Điều chỉnh giá trị doanh nghiệp	125.435.677	-	-	-	-	125.435.677	
Trích quỹ	-	13.901.888.732	-	(13.901.888.732)	-	-	
Sử dụng quỹ	-	(1.140.997.911)	-	-	-	(1.140.997.911)	
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	6.370.583.355	-	6.370.583.355	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.945.533.401)	-	(6.945.533.401)	
Chưa có tức	-	-	-	-	(125.351.742)	(125.351.742)	
Giảm khác	-	(16.940.427.400)	-	(748.658.459)	-	(748.658.459)	
Tăng khác	-	-	-	6.105.993	-	6.105.993	
Tại ngày 31/07/2017	364.736.330.000	(16.940.427.400)	15.499.845.964	29.305.046.994	1.995.333.005	394.608.128.565	
Tại ngày 01/08/2017	364.736.330.000	(16.940.427.400)	15.499.845.964	29.305.046.995	1.995.333.005	394.608.128.565	
Lãi từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017	-	-	-	11.779.281.833	(45.997.188)	11.733.284.645	
Nộp lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước	-	-	-	(2.080.362.537)	-	(2.080.362.537)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(798.818.255)	-	(798.818.255)	
Tăng do thoái vốn công ty con	-	341.874.510	-	-	930.340.671	1.272.215.381	
Giảm do chiết vốn công ty con	-	-	(218.879.054)	(79.779.912)	(1.906.333.005)	(2.203.991.971)	
Giảm khác	-	-	-	(694.765.005)	-	(694.765.005)	
Tại ngày 31/12/2017	364.736.330.000	(16.598.552.890)	15.280.966.910	37.660.563.119	884.343.683	491.565.650.822	

32

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.17.2 Chi tiết vốn góp của các cổ đông

	31/12/2017		01/08/2017	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp Nhà Nước	178.865.780.000	49,04%	178.865.780.000	49,04%
Các tổ chức, cá nhân khác	185.870.550.000	50,96%	185.870.550.000	50,96%
	364.736.330.000	100,00%	364.736.330.000	100,00%

5.17.3 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/08/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.473.833	36.473.833
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	36.473.833	36.473.833
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	36.473.833	36.473.833
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	36.473.833	36.473.833
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	36.473.833	36.473.833

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

5.18 Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2017	01/08/2017
- Đô la Mỹ (USD)	2.472.884	659.291
- Euro (EUR)	251	251

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Doanh thu bán hàng	2.197.901.007.159	2.078.303.161.953
Doanh thu hàng hoá bất động sản	-	169.018.397.874
Doanh thu cung cấp dịch vụ	419.874.078	8.598.208.894
	2.198.320.681.237	2.753.979.768.731

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

33

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Giá vốn hàng bán	2.126.852.495.372	2.489.104.568.824
Giá vốn hàng hoá bất động sản	-	91.082.969.799
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	3.426.147.065
	2.126.852.495.372	2.584.213.685.707

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Lãi tiền gửi, lãi kỳ quỹ	315.939.169	297.416.263
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.019.020.661
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.066.402.783	2.590.089.303
Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư	-	41.372.760.365
Lãi thoái vốn đầu tư	1.493.475.744	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	481.301.750	587.499.509
	3.357.119.446	48.166.788.261

6.4 Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Chi phí lãi vay	9.649.900.931	17.159.892.694
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	110.456.653	3.765.134.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	451.617.868	368.452.123
	10.217.974.970	21.293.479.049

6.5 Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	8.309.800.507	15.081.500.069
Chi phí vận chuyển bốc xếp	4.510.679.262	10.873.001.282
Chi phí xuất khẩu	13.465.562.619	25.782.853.088
Chi phí bán hàng khác	13.526.423.942	17.146.795.936
	39.813.875.320	68.884.240.375

M.T.A. Q. Q. N. J. M.

1.4.09
T.M. Q. Q. N. J. M.
H. T. Q. N. J. M.
VIỆT M

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.168.789.874	41.616.169.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.878.280.644	4.333.405.324
Chi phí quản lý khác	8.091.794.810	15.678.281.625
	17.138.865.327	61.627.856.833

6.7 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Thu tiền hỗ trợ, tiền bồi thường vì phạm hợp đồng	545.790.000	5.253.476.374
Thu nhập khác	1.417.174.177	1.352.058.266
	1.962.964.177	6.605.534.640

6.8 Chi phí khác

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Chi phí nộp phạt	210.325.740	2.323.324.775
Chi phí xử lý công nợ phải thu, phải trả	-	20.042.270.609
Chi phí khác	804.655.024	550.163.339
	1.115.010.764	23.245.758.723

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	366.713.772.600	509.674.827.629
Chi phí nhân công	24.329.313.707	67.294.218.880
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.793.841.503	21.276.410.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.050.975.056	35.194.128.692
Chi phí khác	12.858.695.241	34.910.643.420
	440.746.596.107	668.350.234.927

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.779.261.833
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông như sau:	
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(798.810.255)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.980.443.578
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	36.473.633
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	301

M.T.A. Q. Q. N. J. M.

1.4.09
T.M. Q. Q. N. J. M.
H. T. Q. N. J. M.
VIỆT M

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1	Tiền thu từ đi vay	Từ ngày 01/08/2017	Từ ngày 01/01/2017
		đến ngày 31/12/2017	đến ngày 31/07/2017
		VND	VND
	Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.862.961.017.562	1.868.522.466.172

7.2	Tiền trả nợ gốc vay	Từ ngày 01/08/2017	Từ ngày 01/01/2017
		đến ngày 31/12/2017	đến ngày 31/07/2017
		VND	VND
	Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.891.790.716.132	1.968.747.416.682

8 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nội trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

BỘ TÀI CHÍNH VIỆT NAM



Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Các khoản vay và nợ	521.707.885.816	51.008.168.954	572.716.054.770
Phải trả người bán	169.622.446.138	-	169.622.446.138
Phải trả khác và chi phí phải trả	248.731.030.903	-	248.731.030.903
	939.961.362.857	51.008.168.954	990.969.531.811
Ngày 31 tháng 07 năm 2017			
Các khoản vay và nợ	444.658.240.486	165.710.385.822	610.368.626.308
Phải trả người bán	173.254.864.626	-	173.254.864.626
Phải trả khác và chi phí phải trả	214.863.729.182	-	214.863.729.182
	832.776.834.294	165.710.385.822	998.487.220.116

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã dùng giá trị tài sản cố định của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 07 năm 2017 (xem tại thuyết minh số 5.7 và 5.8).

BỘ TÀI CHÍNH VIỆT NAM



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 07 năm 2017.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	150.809.762.048	229.723.324.185	150.809.762.048	229.723.324.185
Các khoản phải thu khác	23.127.924.532	26.264.786.702	23.127.924.532	26.264.786.702
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền	303.802.963.401	220.343.663.195	303.802.963.401	220.343.663.195
	477.740.639.981	476.331.774.082	477.740.639.981	476.331.774.082
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	572.715.854.380	610.368.626.308	572.715.854.380	610.368.626.308
Phải trả người bán	169.522.446.138	173.254.864.626	169.522.446.138	173.254.864.626
Phải trả khác	248.731.030.903	214.863.729.182	248.731.030.903	214.863.729.182
	990.969.331.921	998.487.220.116	990.969.331.921	998.487.220.116

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 07 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

9 CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Tiền lương và thưởng	1.225.000.000	2.458.195.250

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017 VND	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017 VND
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Nhận cổ tức	-	10.717.291

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2017 VND	01/08/2017 VND
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang	Phải thu khác	74.347.420	74.347.420
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch Vụ Kiên Giang	Phải thu khác	10.603.079.917	10.603.079.917
		10.677.427.337	10.677.427.337

9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Tập đoàn là kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn có hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến.

Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 31/12/2017	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	649.669.737.054	1.550.816.908.360	2.200.383.645.414
Chi phí phân bổ	(627.985.088.988)	(1.498.867.406.384)	(2.126.852.495.372)
Kết quả kinh doanh bộ phận	21.681.648.066	51.749.501.976	73.431.150.042
Chi phí không phân bổ			(58.067.751.421)
Thu nhập hoạt động tài chính			6.587.840.994
Chi phí hoạt động tài chính			(10.217.974.970)
Lợi nhuận trước thuế			11.733.264.645
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			11.733.264.645
Vào ngày 31/12/2017			
Tài sản và nợ phải trả			150.809.762.048
Tài sản của bộ phận	54.701.334.666	56.105.427.379	1.331.990.629.755
Tài sản không phân bổ			
Tổng tài sản			1.482.890.391.803
Nợ phải trả không phân bổ			1.080.834.740.981
Tổng nợ phải trả			1.080.834.740.981

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/07/2017	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	831.554.162.884	1.922.822.181.408	2.754.376.344.292
Chi phí phân bổ	(780.181.565.451)	(1.804.032.120.256)	(2.584.213.685.707)
Kết quả kinh doanh bộ phận	51.372.597.433	118.790.061.152	170.162.658.585
Chi phí không phân bổ			(153.757.855.931)
Thu nhập hoạt động tài chính			49.662.516.622
Chi phí hoạt động tài chính			(21.293.479.049)
Lợi nhuận trước thuế			44.773.840.227
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(15.505.746.412)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			29.268.093.815
Vào ngày 31/07/2017			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	65.826.101.054	163.897.223.131	229.723.324.185
Tài sản không phân bổ			1.284.653.731.367
Tổng tài sản			1.514.377.055.552
Nợ phải trả không phân bổ			1.118.868.926.987
Tổng nợ phải trả			1.118.868.926.987

5.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



LÊ THỊ THUY
Người lập biểu
ĐINH HOÀI THANH
Kế toán trưởng
PHẠM VĂN HOÀNG
Tổng Giám đốc
Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

Kiên Giang, ngày tháng 04 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT





TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Hoàng

